

Thăng Long qua các triều đại

--- không rõ tác giả ---

Thăng Long thời Lý (1009 - 1225):

Cuối năm 1009, tại Hoa Lư (Ninh Bình) Lý Công Uẩn được lập làm vua, sáng lập vương triều Lý, năm sau ông rời đô ra thành Đại La, đổi tên là Thăng Long. Trên cơ sở thành Đại La, Lý Công Uẩn xây dựng một kinh thành mới, về đại thể được giới hạn bằng ba con sông, phía đông là sông Hồng, phía bắc và phía tây là sông Tô, phía nam là sông Kim Ngưu. Khu Hoàng Thành ở gần hồ Tây là nơi có các cung điện hoàng gia và nơi thiết triều, tất cả được bao bọc bằng một toà thành xây gạch. Phần còn lại là khu dân sự, chia ra làm các phường, trong đó có phường nông nghiệp, phường thủ công nghiệp và phường thương nghiệp, tách biệt hoặc đan xen. Cả hai khu (hoàng thành và dân sự) được gọi là kinh thành, bao bọc bởi toà thành, phát triển từ đề của 3 sông nói trên. Như vậy đề cũng là tường thành, và do đó sông là hào nước che chở.

Trong khu dân sự có những kiến trúc tôn giáo: Năm 1028 đền Đồng Cổ được xây trên bờ sông Tô, năm 1049 chùa Diên Hựu (Một Cột) được xây ở phía tây hoàng thành, năm 1057 xây tháp chùa Báo Thiên, năm 1070 xây Văn Miếu và nhà học cho thái tử sau phát triển thành Quốc Tử Giám, trung tâm giáo dục đào tạo. Từ điện Giảng Võ trong Hoàng Thành, năm 1170, phát triển thành Xạ Đình (sân bắn) đặt ở phía nam kinh thành...

Như vậy, chỉ trong khoảng trên một trăm năm, sau khi trở thành kinh đô, Thăng Long đã được xây dựng trở thành trung tâm chính trị - kinh tế - văn hoá lớn nhất và tiêu biểu cho cả nước. Thành lũy, đề điều, các loại kiến trúc cung điện, chùa chiền, công trình văn hoá... tất cả hoà quyện với thiên nhiên tạo nên dáng vẻ riêng của kinh thành.

Thăng Long thời Trần (1226 - 1400):

Nhà Lý sau hai thế kỷ cầm quyền đã đến lúc suy thoái. Nhà Trần thay thế, chấm dứt tình trạng loạn ly, thiết lập lại trật tự chính trị - xã hội. Nền văn minh Đại Việt tiếp tục phồn thịnh. Nhà Trần củng cố lại Hoàng Thành, xây thêm cung điện. Kinh thành vẫn giữ gianh giới cũ nhưng đông đúc hơn. Năm 1230 hoạch định các đơn vị hành chính, kinh đô chia làm 61 phường. Khu vực này còn tiếp nhận nhiều khách buôn và cư dân nước ngoài đến sinh sống làm ăn. Năm 1274 có 30 thuyền Trung Quốc xin cư trú, được cho ở tại phường Nhai Tuân (khu vực Hoè Nhai, Hàng Than ngày nay) lập phố, mở chợ. Ngoài thương nhân người Hoa có cả người Hồi hột (Ouigour), Chà Và (Java), sư người Hồ (Ấn Độ)...

Thăng Long còn tụ hội nhiều nhà văn hoá lớn: Nguyễn Thuyên (Hàn Thuyên) đặt cơ sở cho sự ra đời của nền văn hoá tiếng Việt; Lê Văn Hưu, nhà sử học uyên bác; Các ông Vua anh hùng kiêm thi sĩ tài hoa Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông; Các vị tướng kiêm nhà văn, nhà thơ, nhà ngôn ngữ Trần Quốc Tuấn, Trần Quang Khải, Trần Nhật Duật và một nhà trí thức mô phạm cương trực Chu Văn An...

Thăng Long đời Trần không chỉ có xây dựng và sáng tạo nghệ thuật mà còn phải đánh giặc và đánh giặc: trong vòng 30 năm (1258 - 1288) ba lần quân Nguyên - Mông sang xâm lược, ba lần chúng vào được Thăng Long nhưng đều phải chuốc lấy sự thất bại.

Thăng Long dưới Triều Hồ (1400 - 1407):

Kinh đô mới được xây dựng ở tỉnh Thanh Hoá có tên là Tây Đô. Thăng Long khi đó gọi là Đông Đô. Đến thời thuộc Minh (1407 - 1428): Đông Đô đổi tên gọi là Đông Quan

Thăng Long dưới triều Lê (1428 - 1527):

Tháng 4/1428 Lê Lợi từ dinh Bồ Đề chuyển vào thành Đông Đô. Năm 1430 Đông Đô được đổi thành Đông Kinh, năm 1466 đổi gọi là phủ Trung Đô. Thành cũ vẫn được dùng, có mở thêm về phía Đông. Theo bản đồ vẽ năm 1490 thì trong cùng là một toà thành hình chữ nhật xây gạch đỏ là Cẩm thành, cửa chính là Đoan Môn. Bên trong có các cung điện mà thâm nghiêm nhất là điện Kính Thiên. Năm 1467 có làm hai lan can bằng đá ở thêm điện (có thể đó là hai trong số bốn lan can đá trạm rồng hiện còn ở trong khu thành cổ).

Thăng Long thời Mạc - Lê Trung Hưng - Lê Mạt (1527 - 1788):

Năm 1527 triều Mạc (1527 - 1592) lên thay nhà Lê. Chính sách được nới rộng, trong thời gian đầu đã tạo ra được tình trạng xã hội ổn định, công thương nghiệp năng động, Phật giáo và Đạo giáo phục hưng. Đông Kinh trở lại tên gọi Thăng Long, vẫn là kinh đô. Chỉ đổi tên huyện Vĩnh Xương thành Thọ Xương.

Một nét mới trong kiến trúc Thăng Long là bên cạnh Hoàng Thành của vua Lê, xuất hiện phủ chúa Trịnh, cơ quan đầu não đích thực của chính quyền trung ương bấy giờ. Đó là một toà thành hình chữ nhật mà hai cạnh dài có thể là các đoạn đầu phố Quang Trung và phố Bà Triệu, hai cạnh ngang là phố Tràng Thi và phố Trần Hưng Đạo.

Hồ Gươm lúc này còn rộng, gồm hai phần là Tả Vọng (khu vực hồ hiện nay) và Hữu Vọng (ngày nay là khu vực từ Bách Hoá tổng hợp chạy xuống đầu phố Lò Đúc). Hồ rộng đến mức có thể thao diễn thuỷ chiến nên còn có tên là hồ Thuỷ Quân. Nhiều công trình được xây quanh hồ và trên hồ: cung Tây Long (chỗ khách sạn Sofitel), cung Khánh Thụy (đền Ngọc Sơn), đền Bà Kiệu... và Thăng Long với tư cách một thành thị vẫn có bộ mặt phát triển của kinh tế hàng hoá và sự mở rộng quan hệ ngoại thương, thế kỷ XVII - XVIII là giai đoạn hưng thịnh của các thành thị trên qui mô cả nước. Người Thăng Long tự hào về nếp sống thanh lịch với những công trình nghệ thuật và kiến trúc: chùa, đền, đình, am, miếu với những tượng, hương án, y môn, cửa võng chạm khắc tinh tế, có cả một dòng tranh Tự Tháp (một làng ven Hồ Gươm), sau đó là dòng tranh Hàng Trống đặc sắc. Tên tuổi những danh nhân gốc Thăng Long: Đoàn Thị Điểm, Đặng Trần Côn, Ngô Thì Sĩ, Bùi Huy Bích... và các vị lập nghiệp ở đây như Lê Quý Đôn, Nguyễn Gia Thiều đã làm cho văn hoá Thăng Long thêm sáng giá.

Thăng Long thời Tây Sơn (1788 -1802):

Mùa hè năm 1786, quân Tây Sơn tiến ra Đàng Ngoài lật đổ chế độ chúa Trịnh. Ngày 21/7/1786 quân Tây Sơn đã làm chủ Thăng Long. Nền thống trị của họ Trịnh tồn tại 241 năm (1545 - 1786). Phong trào Tây Sơn đã kiểm soát cả nước, xoá bỏ tình trạng chia cắt Đàng Trong- Đàng Ngoài kéo dài trên hai thế kỷ.

Cuối năm 1788 Thăng Long và đất nước Đại Việt phải đương đầu với một cuộc xâm lược quy mô lớn của đế chế Mãn Thanh. Lúc này nhà Thanh đang cường thịnh muốn bành trướng xuống phía nam, đã phái 29 vạn quân xâm lược Đại Việt. Quân Tây Sơn theo kế của Ngô Thì Nhậm bỏ Thăng Long rút về giữ phòng tuyến Tam Điệp-Biên Sơn chờ lệnh Nguyễn Huệ. Ngày 16-12-1788 quân Thanh vào Thăng Long.

Tin đó bay về Phú Xuân (Huế), ngày 22-12-1788 Nguyễn Huệ lên ngôi vua lấy hiệu Quang Trung rồi lập tức lên đường ra Bắc đuổi giặc. Ngày 15-1-1789 tập kết tại Tam Điệp. Đúng đêm giao thừa tết Kỷ Dậu (25-1-1789) đại quân Tây Sơn vượt Tam Điệp và cuộc tấn công bắt đầu. Sáng mùng 5 Tết (30/1/1789) cùng một lúc đánh đồn Ngọc Hồi và đồn Đống Đa. Trưa hôm đó đại thắng, quân Thanh tháo chạy, tướng chỉ huy bỏ rơi cả ấn tín!

Quang Trung đóng đô ở Huế, Thăng Long là thủ phủ của Bắc Thành (Bắc Bộ ngày nay). Tuy vậy hoàng thành vẫn được chính quyền Tây Sơn tu sửa. Những chính sách khuyến nông, phát triển công thương của Quang Trung đã tác động đến kinh tế vùng Thăng Long.

Diện mạo của chùa Kim Liên đẹp và thanh nhã bên hồ Tây như hiện còn là có từ thời Tây Sơn. Kiệt tác Phú Tụng Tây Hồ của Nguyễn Huy Lượng được viết trong thời này. Nhiều chuông to, đẹp cũng được đúc vào thời này. Tác phẩm Ai Tư Vãn của bà Ngọc Hân, văn thơ của Phan Huy Ích, Ngô Thì Nhậm, Đoàn Nguyên Tuấn... đều mang nhịp đập của một thời Tây Sơn hào hùng.

Thăng Long - Hà Nội dưới triều Nguyễn (1802 - 1945)

Năm 1802 Gia Long lên ngôi, đóng đô ở Phú Xuân, Thăng Long vẫn là thủ phủ của Bắc Thành (có 11 trấn). Năm 1805, Gia Long ra lệnh phá thành cũ xây trên đó một toà thành mới mà nay vẫn còn nhận diện: tường bắc giáp phố Phan Đình Phùng; tường tây giáp đường Hoàng Diệu; tường nam giáp đường Trần Phú và tường đông là đường Phùng Hưng. Như vậy thành mới tương đương với Cẩm Thành đời Lê.

Năm 1831, Minh Mạng cải cách bộ máy hành chính, bỏ các trấn chia cả nước làm 29 tỉnh, trong đó có tỉnh Hà Nội gồm thành Thăng Long, huyện Từ Liêm của trấn Tây Sơn và ba phủ ứng Hoà, Thường Tín, Lý Nhân của trấn Sơn Nam.

Các công trình văn hoá và sinh hoạt văn hoá cũng có những biến đổi. Quốc Tử Giám dời vào Huế, Văn Miếu thuộc tỉnh Hà Nội quản lý. Trường thi Hương ở chỗ nay là phố Tràng Thi. Phường Hoè Nhai và sau đó là phố Hàng Giấy là nơi vui chơi giải trí, đàn ca. Một số cửa ô được xây dựng lại, trong đó có ô Quan Chưởng (1817).